■ Ngày nộp bài: 09/7/2026 ■ Ngày sửa bài: 20/7/2026 ■ Ngày chấp nhận đăng: 03/08/2026

Hoàn thiện cơ chế kiểm soát chi phí đầu tư xây dựng dự án sử dụng vốn nhà nước

Improving cost control mechanisms for state-funded construction investment projects in Vietnam

> TS HOÀNG NGỌC SƠN
Thanh tra Chính phủ
Email: hnson.btc@gmail.com

TÓM TẮT

Từ ngày 01/7/2026, Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 chuyển trách nhiệm thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt về chủ đầu tư; Nghị định số 206/2026/NĐ-CP đồng thời tăng trách nhiệm của các chủ thể trong quản lý chi phí. Nghiên cứu phân tích 3 trường hợp điển hình từ kết luận thanh tra và tài liệu kiểm toán công khai, đại diện cho cơ sở y tế công, hạ tầng giao thông đường bộ và hạ tầng giao thông quy mô đặc biệt. Kết quả cho thấy cần phân biệt lãng phí với thiệt hại tài chính; không đồng nhất khoản thiếu định mức hoặc căn cứ pháp lý với khoản chi sai; rủi ro tập trung tại các điểm nối giữa thiết kế, dự toán, đấu thầu, hợp đồng, chuỗi nhà thầu, tạm ứng, vật liệu và thanh toán. Xử lý tài chính cũng diễn ra nhanh hơn khắc phục cơ chế, chính sách. Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất mô hình phản hồi kiểm soát chi phí PCCFM gồm 6 bước nhằm chuyển phát hiện hậu kiểm thành dữ liệu cảnh báo cho dự án tương đồng.

Từ khóa: Kiểm soát chi phí đầu tư xây dựng; vốn nhà nước; kết luận thanh tra; kiến nghị kiểm toán; quản trị rủi ro; PCCFM.

ABSTRACT

From 1 July 2026, Construction Law No. 135/2025/QH15 transfers responsibility for appraisal of construction designs prepared after project approval to project owners, while Decree No. 206/2026/ND-CP strengthens the responsibilities of participants in construction cost management. The study analyses three representative cases drawn from public inspection conclusions and audit materials, covering public healthcare facilities, road infrastructure and a large, technically complex transport infrastructure project. The findings show that waste should be distinguished from direct financial damage; amounts lacking cost norms or sufficient legal bases should not automatically be treated as wrongful expenditure and cost risks concentrate at the interfaces among design, estimates, procurement, contracts, subcontracting chains, advances, materials and payments. Financial correction also progresses faster than institutional and policy correction. Based on these findings, the article proposes a six-stage Public Construction Cost Feedback Model (PCCFM) to convert ex-post findings into early-warning information for comparable state-funded construction projects.

Keywords: Construction cost control; state funds; inspection conclusions; audit recommendations; risk management; PCCFM.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Các dự án xây dựng sử dụng vốn nhà nước tập trung lượng vốn và tài sản công lớn; sai lệch chi phí có thể hình thành từ chuẩn bị dự án nhưng chỉ bộc lộ khi nghiệm thu, thanh toán hoặc quyết toán. Nghiên cứu quốc tế cho thấy vượt chi phí không chỉ do kỹ thuật mà còn gắn với quản trị yếu và thiên lệch trong dự báo chi phí [1, 2]. Vì vậy, kiểm soát cần hướng tới cả sai lệch cụ thể và nguyên nhân hệ thống.

Từ ngày 01/7/2026, Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 chuyển trách nhiệm thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt về chủ đầu tư; Nghị định số 206/2026/NĐ-CP quy định rõ hơn trách nhiệm quản lý chi phí [3, 9]. Trong bối cảnh giảm một lớp kiểm tra hành chính trước, yêu cầu đặt ra là tăng tính độc lập của kiểm soát nội bộ, chuẩn hóa dữ liệu rủi ro và tập trung hậu kiểm vào đối tượng có rủi ro cao.

Bài báo phân tích 3 kết luận thanh tra cùng tài liệu kiểm toán công khai [22-27], mã hóa trường hợp theo loại hình để tránh gắn kết quả nghiên cứu với tên riêng của dự án nhưng vẫn giữ số hiệu nguồn để kiểm chứng. Nghiên cứu tập trung vào 3 câu hỏi: Sai lệch chi phí hình thành ở đâu?; Thanh tra và kiểm toán bổ sung cho nhau như thế nào? và Cách chuyển phát hiện của dự án trước thành cảnh báo cho dự án sau?.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KHOẢNG TRỐNG NGHIÊN CỨU

**) Kiểm soát sau khi sai lệch xảy ra và kiểm soát để ngăn sai lệch:*

Kiểm soát chi phí gồm hai lớp: Khắc phục sai lệch đã xảy ra và sử dụng dữ liệu để phòng ngừa [1]. Do thanh tra, kiểm toán không thể bao phủ mọi dự án, chất lượng dữ liệu và lựa chọn đúng đối tượng rủi ro có ý nghĩa quyết định; bằng chứng thực nghiệm cũng cho thấy tăng xác suất kiểm toán có thể làm giảm thất thoát [4].

Kiểm soát nội bộ cần phân tách đề xuất, thẩm định và phê duyệt; kiểm soát thay đổi; đối chiếu thiết kế - thi công - nghiệm thu - thanh toán và theo dõi lỗi lặp lại [18]. COSO và ISO 31000 đặt quản trị rủi ro trong chu trình nhận diện, xử lý và theo dõi [5, 6]. Theo cách tiếp cận học hỏi tổ chức, thu hồi tiền mới là xử lý vụ việc; sửa quy trình, định mức hoặc chính sách mới tạo phản hồi ở cấp tổ chức và hệ thống [7, 8].

Khoảng trống chính là thiếu cơ chế đối chiếu có cấu trúc giữa kết quả thanh tra và kiểm toán; chưa phân biệt rõ xử lý tài chính, sửa quy trình và sửa chính sách; đồng thời chưa chuyển phát hiện của dự án trước thành chỉ báo cho dự án tương đồng.

3. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ YÊU CẦU KIỂM SOÁT

Khung pháp luật gồm các quy định về xây dựng, đầu tư công, đấu thầu, ngân sách, thanh tra, kiểm toán và các nghị định chuyên ngành [3], [9-17]. Khi trách nhiệm của chủ đầu tư và tư vấn tăng lên, trọng tâm kiểm soát cần chuyển từ bổ sung thủ tục sang tăng độc lập kiểm soát nội bộ, liên kết dữ liệu, phân loại đúng bản chất phát hiện và xác định rõ bằng chứng hoàn thành kiến nghị.

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu kết hợp phân tích pháp luật, phân tích nội dung, so sánh thanh tra - kiểm toán, thống kê mô tả và nghiên cứu trường hợp. Khung mã hóa được xây dựng từ lý thuyết kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và học hỏi tổ chức [5-7], sau đó hiệu chỉnh theo phương pháp phân tích nội dung định hướng [19, 20].

Nguồn chính gồm 3 kết luận thanh tra, Báo cáo số 43/BC-KTNN và tài liệu kiểm toán, theo dõi kiến nghị công khai [22-27]. Các trường hợp được chọn theo 4 tiêu chí: Quy mô vốn nhà nước lớn; nguồn chính thức đủ chi tiết; phản ánh nhiều giai đoạn của chu trình chi phí và đa dạng về loại hình công trình, hợp đồng, chuỗi nhà thầu. Trường hợp 1 làm rõ lãng phí - thiệt hại; trường hợp 2 cho phép đối chiếu thanh tra - kiểm toán; trường hợp 3 làm rõ rủi ro về chuỗi nhà thầu, tạm ứng, vật liệu và hợp đồng.

Mỗi phát hiện hoặc kiến nghị là một đơn vị phân tích, được mã hóa vào 6 nhóm: Chuẩn bị dự án; thiết kế - dự toán; đấu thầu; hợp đồng - tiến độ; nghiệm thu - quyết toán; kiểm soát - dữ liệu. Phát hiện giao thoa được xếp theo nguyên nhân trực tiếp tạo sai lệch, sau đó gắn với nguyên nhân, cấp xử lý, biện pháp và tình trạng thực hiện. Nghiên cứu chỉ sử dụng số liệu chính thức, tài liệu công khai và không suy rộng cho toàn bộ dự án sử dụng vốn nhà nước.

5. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

5.1. Phân biệt thiệt hại tài chính với lãng phí nguồn lực

Theo Kết luận số 528/KL-TTCP, tại hai dự án cơ sở y tế công quy mô lớn, giá trị lãng phí ở mức hàng nghìn tỷ đồng, trong khi thiệt hại tài chính tạm tính khoảng 100 tỷ đồng [22]. Hai đại lượng không đồng nhất: Thiệt hại là phần có thể xác định trực tiếp để xử lý; lãng phí còn phản ánh nguồn lực đã bỏ ra nhưng tài sản chậm tạo ra dịch vụ. Vì vậy, đánh giá kiểm soát cần theo dõi thêm thời điểm khai thác, công suất và chi phí vốn bị giữ lại.

5.2. Sai lệch có thể hình thành sớm nhưng được phát hiện và lượng hóa muộn

Tại hai dự án nêu trên, chỉ 8 ngày sau khi ký hợp đồng lớn, nhà thầu đã đề nghị điều chỉnh thiết kế cơ sở; kết luận đồng thời nêu sai lệch chi phí tư vấn [22]. Điều này cho thấy rủi ro có thể hình thành từ chuẩn bị, thiết kế nhưng được lượng hóa muộn, do đó cần thẩm tra độc lập giả định chi phí và cảnh báo thay đổi thiết kế quá sớm sau ký hợp đồng.

5.3. Bản chất các khoản phải xử lý tại trường hợp hạ tầng giao thông đường bộ

Bảng 1. Phân loại giá trị phải xử lý theo Kết luận số 316/KL-TTCP [23]

Nhóm giá trị	Quy mô theo kết luận	Bản chất khoản phải xử lý
Điều chỉnh dự toán, giá hợp đồng	Trên 782 tỷ đồng	Phải điều chỉnh trước hoặc trong quá trình thanh toán
Hoàn thiện mã định mức	1.249 tỷ đồng	Chưa đủ định mức làm căn cứ thanh, quyết toán
Bổ sung cơ sở pháp lý chi phí tạm tính	Trên 297 tỷ đồng	Căn cứ pháp lý cho khoản chi chưa đầy đủ
Rà soát giá, khối lượng vật liệu hầm	Trên 32,8 tỷ đồng	Có sai lệch cụ thể về giá hoặc khối lượng

Các khoản tại Bảng 1 khác nhau về bản chất pháp lý và kinh tế. Điều chỉnh dự toán, giá hợp đồng khác với khoản chưa đủ định mức hoặc căn cứ pháp lý, vì vậy không thể cộng gộp rồi mặc nhiên coi toàn bộ là khoản chi sai. Kết luận còn nêu phương pháp xác định đơn giá vật liệu chưa được quy định, khoảng trống quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chí nhân sự chưa phù hợp trong hồ sơ mời thầu [23]. Phân loại đúng bản chất là điều kiện để kiến nghị đúng cấp và tránh đồng nhất sai sót thủ tục với thiệt hại tài chính.

5.4. Sáu nhóm rủi ro và cấp độ phản hồi

Bảng 2. Nhóm sai phạm, nguyên nhân và cấp phản hồi

Nhóm vấn đề	Biểu hiện thường thấy	Nguyên nhân chính	Cấp cần xử lý
Chuẩn bị dự án	Phạm vi chưa rõ, phải điều chỉnh	Thông tin yếu, thẩm định thiếu độc lập	Tổ chức và chính sách
Thiết kế, dự toán	Sai khối lượng, định mức, giá	Tư vấn yếu, định mức cập nhật chậm	Chính sách, định mức
Đấu thầu	Tiêu chí làm giảm cạnh tranh	Xung đột lợi ích, kiểm tra hình thức	Quy trình tổ chức
Hợp đồng, tiến độ	Phát sinh, điều chỉnh chậm	Phân chia rủi ro chưa hợp lý	Tổ chức và chính sách
Nghiệm thu, quyết toán	Sai khối lượng, giá, quyết toán chậm	Đối chiếu yếu, giám sát thiếu độc lập	Dự án và tổ chức
Kiểm soát, dữ liệu	Sai phạm lặp lại, kiến nghị chậm	Dữ liệu rời rạc, trách nhiệm chưa rõ	Tổ chức và chính sách

Năm trong 6 nhóm tại Bảng 2 đòi hỏi sửa quy trình tổ chức hoặc cơ chế chung, không chỉ giảm trừ hay thu hồi tiền. Vì vậy, giá trị xử lý tài chính cao chưa đồng nghĩa rủi ro hệ thống đã giảm; cần đánh giá thêm nguyên nhân đã được loại bỏ và lỗi có tái diễn ở dự án tương đồng hay không.

Bốn trong 6 nhóm rủi ro xuất hiện ở cả tài liệu thanh tra và kiểm toán công khai. Tài liệu kiểm toán từng nêu chênh lệch khối lượng giữa các bước thiết kế chưa được rà soát để xác định lại khối lượng hợp đồng [26]; kết luận thanh tra sau đó nhận diện vấn đề tương tự ở phạm vi rộng hơn [23]. Chưa đủ căn cứ suy luận quan hệ nhân quả, nhưng sự lặp lại cho thấy cảnh báo từ một dự án chưa tự động chuyển thành yêu cầu rà soát dự án có đặc điểm tương đồng.

5.5. Rủi ro tại dự án hạ tầng giao thông quy mô đặc biệt

Thông báo số 2608/TB-TTCP về Kết luận thanh tra số 318/KL-TTCP cung cấp thêm bằng chứng từ một dự án hạ tầng giao thông quy mô đặc biệt, kỹ thuật phức tạp, với phạm vi thanh tra tập trung vào hai dự án thành phần và 4 gói thầu xây lắp [27]. Các phát hiện trải trên 6 nhóm: Phê duyệt khi một số nội dung thiết kế, thẩm tra hoặc điều kiện năng lực chưa hoàn thiện; vận dụng định mức, mã định mức, khối lượng, đơn giá chưa phù hợp; tiêu chí hồ sơ mời thầu và việc làm rõ hồ sơ dự thầu còn bất cập; thay đổi tạm ứng, thầu phụ, vật liệu, thiết bị, biện pháp thi công chưa luôn gắn với điều chỉnh giá và trách nhiệm hợp đồng.

Ở khâu nghiệm thu - thanh toán, kết luận nêu thu hồi tạm ứng chưa đúng thỏa thuận; thanh toán khi hồ sơ hoặc điều kiện chưa đầy đủ; sai khác về khối lượng, cự ly vận chuyển và đơn giá. Một số nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng để gửi tiết kiệm có kỳ hạn; nhiều trường hợp giao lại công việc khi chưa được chấp thuận hoặc vượt phạm vi thầu phụ [27]. Các phát hiện cho thấy kiểm soát chi phí phải theo dõi cả dòng tiền và chuỗi nhà thầu thực tế. Theo PCCFM, chúng có thể chuyển thành chỉ báo về thay đổi thiết kế sớm, thầu phụ bất thường, tạm ứng không gắn nhu cầu thi công, thay đổi vật liệu - thiết bị, chênh lệch khối lượng và kiến nghị quá hạn; chỉ báo dùng để sàng lọc, không phải bằng chứng tự thân về vi phạm.

5.6. Xử lý tài chính nhanh hơn sửa cơ chế và chính sách

Năm 2024, các đơn vị đã thực hiện 41.624,48 tỷ đồng trên 49.940,10 tỷ đồng kiến nghị sau điều chỉnh, đạt 83,35%, nhưng mới 67/214 nội dung hoặc văn bản kiến nghị sửa cơ chế, chính sách được xử lý, còn 147 nội dung chưa hoàn thành [24, 25]. Dù số liệu không riêng lĩnh vực xây dựng, chênh lệch này cho thấy xử lý tài chính có thể nhanh hơn khắc phục nguyên nhân thể chế. Do đó, hiệu quả kiểm soát phải tính cả việc sửa nguyên nhân, thay đổi quy trình và ngăn tái diễn, không chỉ số tiền đã xử lý.

6. MÔ HÌNH PHẢN HỒI KIỂM SOÁT CHI PHÍ PCCFM

Bảng 3. Cấu trúc mô hình PCCFM

Bước	Việc cần làm	Kết quả cần có
1. Ghi nhận vấn đề	Xác định sai phạm hoặc điểm yếu	Bằng chứng và phạm vi ảnh hưởng
2. Chuẩn hóa thông tin	Gắn dự án, giai đoạn, khoản mục vào cùng mẫu	Hồ sơ rủi ro có cấu trúc
3. Tìm nguyên nhân	Phân biệt lỗi riêng lẻ với lỗi của hệ thống	Chuỗi nguyên nhân và trách nhiệm
4. Đưa ra kiến nghị	Gắn biện pháp với người thực hiện và thời hạn	Kiến nghị có chủ thể, thời hạn và sản phẩm kiểm tra được
5. Theo dõi kết quả	Kiểm tra tiến độ, sản phẩm và bằng chứng thực hiện	Bằng chứng hoàn thành được xác nhận
6. Ngăn lặp lại	Sửa quy trình, dữ liệu, định mức hoặc chính sách; tạo chỉ báo cảnh báo	Cảnh báo có điều kiện kích hoạt cho dự án tương đồng

PCCFM là mô hình sáu bước chuyển rủi ro đã được thanh tra hoặc kiểm toán ghi nhận thành phản hồi phòng ngừa: ghi nhận vấn đề, chuẩn hóa thông tin, xác định nguyên nhân, thiết kế kiến nghị, xác nhận kết quả và ngăn lặp lại. Vòng phản hồi chỉ hoàn tất khi xác định rõ chủ thể và cấp xử lý; kiến nghị có thời hạn, sản phẩm đầu ra; bằng chứng thực hiện được xác nhận và bài học được tích hợp vào quy trình, dữ liệu, định mức hoặc tiêu chí sàng lọc. Điều kiện kích hoạt cảnh báo phải dựa trên mức độ trọng yếu và tần suất lặp lại, không dùng một ngưỡng điểm tùy ý để suy đoán vi phạm.

7. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Trước mắt cần xây dựng danh mục rủi ro dùng chung; phân loại kiến nghị theo ba cấp: xử lý tài chính, sửa quy trình tổ chức, sửa cơ chế - chính sách; theo dõi đến khi có bằng chứng hoàn thành; tăng kiểm soát thay đổi và đối chiếu dữ liệu điện tử tại chủ đầu tư. Đây là các biện pháp có thể triển khai trước khi đầu tư hệ thống công nghệ lớn.

Khi lập hồ sơ điện tử, chấm điểm rủi ro hoặc ứng dụng trí tuệ nhân tạo, cơ quan quản lý cần thống nhất cấu trúc dữ liệu, từ điển chỉ báo và quy tắc phân loại. Điểm rủi ro chỉ phục vụ lựa chọn đối tượng cần kiểm tra, không thay thế chứng cứ và kết luận pháp lý. Với lãng phí, nên bổ sung thời điểm khai thác, công suất và chi phí vốn bị giữ lại để phản ánh đầy đủ hiệu quả nguồn lực nhà nước.

8. GIỚI HẠN CỦA NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng tài liệu công khai và 3 trường hợp điển hình, không phải mẫu thống kê đại diện; phạm vi thanh tra và kiểm toán cũng khác nhau. Vì vậy, kết quả chỉ phản ánh các trường hợp, tài liệu được phân tích và không thể hiện tỷ lệ vi phạm của toàn bộ dự án sử dụng vốn nhà nước.

PCCFM hiện là mô hình khái niệm. Nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng dữ liệu, mã hóa độc lập bởi từ hai người, lấy ý kiến chuyên gia và kiểm định quan hệ giữa phát hiện - nguyên nhân - kiến nghị - kết quả; Cohen's Kappa có thể đo mức thống nhất mã hóa [21]. Do Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 và các nghị định mới có hiệu lực từ ngày 01/7/2026, bài báo chỉ phân tích thay đổi về cấu trúc trách nhiệm và hàm ý kiểm soát, chưa đánh giá hiệu quả thực thi dài hạn.

9. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Thứ nhất, các trường hợp nghiên cứu cho thấy phải phân biệt thiệt hại tài chính với lãng phí nguồn lực và không đồng nhất khoản thiếu định mức hoặc căn cứ pháp lý với khoản chi sai. Sai lệch có thể hình thành sớm ở chuẩn bị, thiết kế nhưng chỉ được phát hiện và lượng hóa ở giai đoạn sau.

Thứ hai, 4 trong 6 nhóm rủi ro xuất hiện ở cả tài liệu thanh tra và kiểm toán công khai; trường hợp hạ tầng giao thông quy mô đặc biệt tiếp tục làm rõ rủi ro tại các điểm nối giữa thiết kế, đấu thầu, chuỗi nhà thầu, tạm ứng, vật liệu, hợp đồng và thanh toán. Các dấu hiệu lặp lại có thể chuẩn hóa thành chỉ báo để sàng lọc dự án tương đồng.

Thứ ba, xử lý cơ chế, chính sách chậm hơn xử lý tài chính, trong khi phần lớn rủi ro cần khắc phục ở cấp tổ chức hoặc hệ thống. PCCFM vì vậy hướng việc theo dõi từ "đã xử lý bao nhiêu tiền" sang "nguyên nhân đã được sửa và nguy cơ tái diễn đã giảm hay chưa".

Để triển khai, cần thống nhất cấu trúc dữ liệu rủi ro, tiêu chí hoàn thành kiến nghị và trách nhiệm theo dõi; đồng thời tăng kết nối thông tin giữa cơ quan quản lý xây dựng, tài chính, Kho bạc Nhà nước, thanh tra, kiểm toán và chủ đầu tư. Trước mắt, ưu tiên danh mục chỉ báo rủi ro và kiểm soát nội bộ theo rủi ro.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] M. Elserougy, L. M. Khodeir and F. Fathy. Practices and techniques for construction projects cost control - a critical review. HBRC Journal, vol. 20, no. 1, pp. 525-552, 2024, doi: 10.1080/16874048.2024.2337060.

[2] B. Flyvbjerg, M. K. S. Holm and S. L. Buhl. Underestimating costs in public works projects: Error or lie?. Journal of the American Planning Association, vol. 68, no. 3, pp. 279-295, 2002, doi: 10.1080/01944360208976273.

[3] Quốc hội. Luật Xây dựng số 135/2025/QH15, ngày 10/12/2025, hiệu lực từ ngày 01/7/2026.

[4] B. A. Olken, Monitoring corruption: Evidence from a field experiment in Indonesia. Journal of Political Economy, vol. 115, no. 2, pp. 200-249, 2007, doi: 10.1086/517935.

[5] COSO. Enterprise Risk Management - Integrating with Strategy and Performance. New York, NY, USA, 2017.

[6] ISO. Risk Management - Guidelines. ISO 31000:2018, Geneva, Switzerland, 2018.

[7] C. Argyris. Double loop learning in organizations. Harvard Business Review, vol. 55, no. 5, pp. 115-125, 1977.

[8] A. C. Furqan, R. Wardhani, D. Martani and D. Setyaningrum. The effect of audit findings and audit recommendation follow-up on the financial report and public service quality in Indonesia. International Journal of Public Sector Management, vol. 33, no. 5, pp. 535-559, 2020, doi: 10.1108/IJPSM-06-2019-0173.

[9] Chính phủ. Nghị định số 206/2026/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, ngày 15/6/2026.

[10] Chính phủ. Nghị định số 210/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về hợp đồng xây dựng, ngày 15/6/2026, hiệu lực từ ngày 01/7/2026.

[11] Chính phủ. Nghị định số 207/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, ngày 15/6/2026, hiệu lực từ ngày 01/7/2026.

[12] Chính phủ. Nghị định số 217/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng, ngày 19/6/2026, hiệu lực từ ngày 01/7/2026.

[13] Quốc hội. Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, 2024.

[14] Quốc hội. Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15, 2023; Luật số 57/2024/QH15, 2024; Luật số 90/2025/QH15, 2025.

[15] Quốc hội. Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, 2025.

[16] Quốc hội. Luật Thanh tra số 84/2025/QH15, 2025.

[17] Quốc hội. Luật Kiểm toán nhà nước số 81/2015/QH13, 2015; Luật số 55/2019/QH14, 2019.

[18] B. H. Minh. Các yếu tố tác động đến quản lý nhà nước về chi phí đầu tư xây dựng. Tạp chí Xây dựng, số 3, 2024.

[19] H.-F. Hsieh and S. E. Shannon. Three approaches to qualitative content analysis. Qualitative Health Research, vol. 15, no. 9, pp. 1277-1288, 2005, doi: 10.1177/1049732305276687.

[20] K. Krippendorff. Content Analysis: An Introduction to Its Methodology, 4th ed. Thousand Oaks, CA, USA: SAGE, 2018.

[21] J. Cohen. A coefficient of agreement for nominal scales. Educational and Psychological Measurement, vol. 20, no. 1, pp. 37-46, 1960, doi: 10.1177/001316446002000104.

[22] Thanh tra Chính phủ. Kết luận số 528/KL-TTCP, ngày 28/3/2025.

[23] Thanh tra Chính phủ. Kết luận số 316/KL-TTCP, ngày 16/9/2025; phần công khai năm 2026.

[24] Kiểm toán Nhà nước. Báo cáo số 43/BC-KTNN ngày 13/5/2025 tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2024, 2025.

[25] Kiểm toán Nhà nước. Thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán năm 2024 có nhiều chuyển biến, 2025.

[26] Kiểm toán Nhà nước. Phụ lục số 06 và tài liệu công khai về kết quả kiểm toán một số dự án thành phần thuộc chương trình đầu tư hạ tầng giao thông đường bộ, 2024.

[27] Thanh tra Chính phủ. Thông báo số 2608/TB-TTCP ngày 28/7/2026 về Kết luận thanh tra số 318/KL-TTCP ngày 18/6/2026, Hà Nội, 2026.